123/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 28.03/HĐKT/CDC-CODECO

Về việc: Khảo sát địa chất công trình

Dự án: Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa

Địa điểm: Xã Phước Hiệp và xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

I. CĂN CỨ

- Luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 03/2024/HĐTV/TSN-CDC ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa Công ty cổ phần đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC về việc Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất và khí tượng thủy văn Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải Tây Bắc tại Xã Thái Mỹ, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhiệm vụ khảo sát được phê duyệt;
- Năng lực và nhu cầu của hai bên.

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên Giao thầu (gọi tắt là bên A): Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC

- Người đại diện: Ông **Nguyễn Viết Phát** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Lô 17, đường Tuệ Tĩnh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0982 881 369
- Mã số thuế: 0900531518
- Tài khoản: 88881369
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam Techcombank - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt.

2. Bên Nhận thầu (gọi tắt là bên B): Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất

- Người đại diện: Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 3755 0428
- Mã số thuế: 0101074336
- Tài khoản: 111000037499
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long

Hai Bên thoả thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với những điều khoản sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải:

1.1. Trong Hợp đồng này, trừ khi được quy định rõ ràng khác đi hoặc ngữ cảnh có yêu cầu khác đi, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"Bên Giao thầu (Bên A)" là **Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng CDC.**

"Bên Nhận thầu (Bên B)" là **Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất.**

"**Đại diện Bên A**" là người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A Điều hành công việc.

"**Đại diện Bên B**" là người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên B Điều hành công việc.

"**Bên**" là Bên A hoặc Bên B, tùy theo ngữ cảnh yêu cầu.

"**Các Bên**" là để chỉ cả Bên A và Bên B.

"**Dự án**" là **Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa** được đầu tư xây dựng tại xã Phước Hiệp và xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

"Hợp đồng" là toàn bộ tài liệu của Hợp đồng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên] của Hợp đồng này.

"**Gói thầu**" là khảo sát địa chất công trình cho Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

"**Công việc**" là toàn bộ các công việc được quy định tại Mục 5.1 Điều 5 mà Bên B sẽ thực hiện theo Hợp đồng này.

"**Ngày**" được hiểu là ngày dương lịch và "**tháng**" được hiểu là tháng dương lịch.

"**Ngày làm việc**" là các ngày trong tuần, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật lao động.

"**Ngày bắt đầu**" là ngày Bên B bắt đầu thực hiện Công việc được quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng này.

"**Thời hạn Hoàn thành**" là thời hạn để hoàn thành Công việc theo quy định tại Khoản 8.2 Điều 8 của Hợp đồng, được tính từ Ngày bắt đầu.

"**Hồ sơ Nghiệm thu**" là các giấy tờ, tài liệu phục vụ cho việc nghiệm thu tương ứng với từng phần Công việc được quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng này.

"**Biên bản Nghiệm thu**" là biên bản được phát hành theo Khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng này.

"**Giá Hợp đồng**" là giá trọn gói đã bao gồm thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được quy định tại Khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng này.

"**Hồ sơ Thanh toán**" là các giấy tờ, tài liệu phục vụ cho việc thanh toán tương ứng với từng phần Công việc được quy định tại Khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng này.

"**Hồ sơ Quyết toán**" là các giấy tờ, tài liệu phục vụ cho việc quyết toán được quy định tại Khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng này.

"**Sự kiện Bất khả kháng**" là các sự kiện được quy định tại Khoản 15.1 Điều 15 của Hợp đồng này.

"**Sản phẩm**" là sản phẩm của Hợp đồng được quy định tại Khoản 5.2 Điều 5.

"**Cơ quan có thẩm quyền**" là tổ chức, cá nhân, cơ quan mà theo quy định của pháp luật có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định, phê duyệt hoặc các hoạt động khác đối với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

"**Pháp luật**" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Trong Hợp đồng này, trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác đi:

- Dẫn chiếu "Khoản", "Điều", "Phụ lục" mà không quy định rõ là "Khoản", "Điều", "Phụ lục" của văn bản nào thì được hiểu để dẫn chiếu đến "Khoản", "Điều", "Phụ lục" của Hợp đồng này.
- Các tiêu đề chỉ nhằm mục đích thuận tiện và không ảnh hưởng đến việc giải thích Hợp đồng này.
- Những quy định bao gồm các từ "đồng ý", "đã đồng ý" hoặc "thỏa thuận" nghĩa là việc đồng ý hoặc thỏa thuận phải được ghi bằng văn bản.
- "Được viết" hoặc "bằng văn bản" nghĩa là phải được viết bằng tay, được đánh máy, được in hoặc chế bản điện tử và làm thành tài liệu lưu giữ lâu bền.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên

Tài liệu của Hợp đồng bao gồm Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo Hợp đồng, là các bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng và được dùng để giải thích chung giữa các Bên. Tài liệu của Hợp đồng có thứ tự ưu tiên tăng dần như sau:

2.1. Hợp đồng này.

2.2. Phụ lục 1 – Khối lượng công việc và Giá hợp đồng;

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và

được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng;

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam;

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng Tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và sản phẩm của Hợp đồng

5.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B là nhà thầu thực hiện công việc tư vấn và lập các báo cáo khảo sát xây dựng cho Dự án, bao gồm nhưng không giới hạn những công việc sau:

- Khảo sát, tư vấn, lập Báo cáo khảo sát địa chất cho Dự án, cụ thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

  a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát địa chất.

  b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

  c) Khảo sát hiện trường.

  d) Nghiên cứu địa vật lý.

  e) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, nước.

  f) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình.

- Chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Bên A và các Cơ quan có thẩm quyền (không giới hạn số lần chỉnh sửa) (nếu có);

Chi tiết Công việc theo Phụ lục 1 – Khối lượng công việc và Giá hợp đồng.

5.2. Bên B cung cấp Sản phẩm của Hợp đồng cho Bên A bao gồm:

- Báo cáo khảo sát địa chất và các phụ lục kèm theo (hình trụ hố khoan, mặt cắt địa chất, biểu bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý): 04 (bốn) bộ gốc mỗi báo cáo.
- Usb ghi chi tiết toàn bộ nội dung Hồ sơ các báo cáo tài liệu sản phẩm nêu trên (bao gồm bản mềm báo cáo, bản vẽ kỹ thuật gốc với các định dạng tài liệu như word, excel, pptx, cad...).
- Các tài liệu khác liên quan đến và phục vụ cho việc làm rõ, giải trình các sản phẩm, hồ sơ chỉnh sửa những thay đổi theo yêu cầu của Bên A và/hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Hồ sơ giao nộp phải đảm bảo về tính kỹ thuật và mỹ thuật, hồ sơ trước khi phát hành chính thức phải có ý kiến phê duyệt của Bên A;

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

Bên B có nghĩa vụ thực hiện Công việc để đáp ứng các yêu cầu của Bên A, tuân thủ các quy trình, các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản

lý chất lượng công trình xây dựng, quy phạm chuyên ngành theo quy định hiện hành của pháp luật nhằm đảm bảo chất lượng cao nhất của Sản phẩm. Những sai sót trong Sản phẩm (nếu có) phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các quy định tại Hợp đồng này.

Điều 7. Nghiệm thu Sản phẩm

7.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng:

a) Hợp đồng khảo sát địa chất công trình đã ký kết giữa các bên.

b) Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát địa chất.

c) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát.

d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn khoan khảo sát địa chất công trình.

7.2. Việc nghiệm thu được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của Đại diện hai Bên.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm đối với từng khu vực được tiến hành 03 lần

Lần 1: Nghiệm thu công tác khoan hiện trường

Lần 2: Nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát.

Lần cuối: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm khoan địa chất công trình do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Ngày bắt đầu thực hiện Công việc là ngày Hợp đồng này được ký kết và Bên A bàn giao mặt bằng thi công cho Bên B.

8.2. Thời gian thực hiện Hợp đồng: trong vòng 70 (bảy mươi) ngày kể từ Ngày bắt đầu và có thể thay đổi tùy theo tiến độ bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư.

8.3. Thời gian thực hiện Hợp đồng đã bao gồm: (i) các ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của nhà nước; và (ii) thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau khi nhận ý kiến từ Cơ quan có thẩm quyền, không giới hạn số lần chỉnh sửa, hiệu chỉnh hồ sơ.

8.4. Thời gian thực hiện Hợp đồng có thể được gia hạn trong trường hợp các bên thỏa thuận bằng văn bản hoặc do lỗi của Bên A.

8.5. Việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng không được phép làm tăng Giá Hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

Điều 9. Giá Hợp đồng và hình thức Hợp đồng

9.1. Giá Hợp đồng

a) Hai Bên thống nhất Giá Hợp đồng là: **6.319.658.000 đồng** (*Bằng chữ: Sáu tỉ ba trăm mười chín triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*), đã bao gồm thuế GTGT 8%.

(Chi tiết quy định tại Phụ lục 1 – Khối lượng công việc và Giá hợp đồng đính kèm).

Thuế GTGT có thể thay đổi theo chính sách thuế của Nhà nước và được tự động áp dụng theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nghiệm thu, lập hóa đơn, theo đó, Giá Hợp đồng sẽ được tự động hiệu chỉnh tương ứng.

b) Giá Hợp đồng đã bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế GTGT.
- Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát; chi phí nhân công (bao gồm chi phí làm ngoài giờ), vật tư và thiết bị, chi phí vận chuyển lực lượng khảo sát đến công trường, chi phí nghiệm thu bàn giao, chi phí điều hành quản lý, chi phí lán trại để ở và điều hành ở công trường; chi phí lập báo cáo khảo sát.
- Chi phí cần thiết cho việc xuất bản, hiệu chỉnh, hoàn thiện sản phẩm tư vấn trước và sau các cuộc họp với Bên A (nếu có).
- Chi phí ăn ở, đi lại khi khảo sát thực địa, tham gia các cuộc họp với Bên A.
- Chi phí cần thiết khác có liên quan để Bên B có thể hoàn thành toàn bộ Công việc với chất lượng và yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật được quy định tại Hợp đồng này.

9.2. Hình thức Hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

9.3. Đơn Giá Hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp được sự thống nhất bởi các Bên bằng văn bản. Trong trường hợp có sự thay đổi khối lượng Công việc, thì:

a) Những khối lượng công việc bổ sung hợp lý chưa có đơn giá trong Hợp đồng thì Bên A và Bên B phải thống nhất đơn giá của các công việc này trước khi thực hiện; các khối lượng công việc đã có đơn giá trong Hợp đồng được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong Hợp đồng) được nghiệm thu.

b) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán Hợp đồng.

Điều 10. Tạm ứng, thanh toán hợp đồng

10.1. Tạm ứng hợp đồng: Hợp đồng không tạm ứng.

10.2. Thanh toán hợp đồng.

- Khi bên A được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị nghiệm thu của hợp đồng và hai bên thanh quyết toán hợp đồng.
- Thời hạn thanh toán: Sau 03 tháng kể từ khi bên B xuất hoá đơn cho bên A, bên A sẽ thanh toán cho bên B theo giá trị được nghiệm thu, thanh toán.

10.3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành (kèm theo khối lượng hoàn thành).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.
- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các Khoản này.

10.4. Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản.

10.5. Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

11.1. Quyền của Bên A:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

e) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

11.2. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến dự án cho bên B.

b) Nghiệm thu, thanh toán đầy đủ cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.

c) Bên A cử cán bộ theo dõi, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện Hợp đồng.

d) Bên A cùng với Bên B giải quyết các tồn tại và phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

12.1. Quyền của Bên B

a) Yêu cầu Bên A tạm ứng, thanh toán Hợp đồng đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại Khoản 10.1 Điều 10 của Hợp đồng này.

b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

c) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng Sản phẩm.

12.2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ,

phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

f) Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

g) Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

h) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

i) Nộp cho bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

j) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan Điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Rủi ro và bất khả kháng

13.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan, xảy ra sau thời điểm ký Hợp đồng và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như: Động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi tổ chức, chính sách hoặc

ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

13.2. Thông báo về bất khả kháng:

Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng;

Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ Hợp đồng.

13.3. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;
- Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của Hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện Công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

  + Được kéo dài thời hạn bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

  + Đề nghị Bên A xem xét quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 60 (sáu mươi) ngày liên tục.
- Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

Điều 14. Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng

14.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

14.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

- Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều Khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 (hai mươi tám) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán sau khi Bên B thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc và không phải bồi thường bất cứ giá trị nào cho Bên A (hoặc giảm tỷ lệ công việc);
- Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được;
- Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

14.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông

báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 15. Chấm dứt Hợp đồng.

15.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi văn bản chấm dứt Hợp đồng đến Bên B, nếu:

a) Bên B không sửa chữa, khắc phục các sai sót nghiêm trọng mà Bên B mắc phải trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B trễ tiến độ thực hiện Công việc quá 15 (mười lăm) ngày so với tiến độ quy định tại Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng].

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua quy trình giải quyết tranh chấp tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 15 [Rủi ro và bất khả kháng].

h) Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc. Bên A và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

15.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày và phải thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 (bốn mươi lăm) ngày liên tục Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A;

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua quy trình giải quyết tranh chấp tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng kéo dài trên 60 (sáu mươi) ngày.

e) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện

đó.

15.3. Khi chấm dứt Hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

15.4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

15.5. Mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng trái với quy định Hợp đồng, quy định pháp luật, bên vi phạm sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho bên bị vi phạm một khoản phạt tương ứng **8%** Giá Hợp đồng thời phải bồi thường toàn thiệt hại phát sinh cho bên bị vi phạm.

15.6. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 16. Phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

16.1. Đối với Bên B:

- Bên B vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của bên A gây ra, bên B sẽ chịu phạt 0.2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày và không quá 12% tổng giá trị hợp đồng. Nếu quá thời gian tương ứng mức phạt 12% thì bên B phải chịu phạt sau khi thu hồi toàn bộ tạm ứng và bị bên A huỷ bỏ Hợp đồng.

16.2. Đối với Bên A:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái với quy định tại Điều 15 Hợp đồng này thì Bên A phải bồi thường thiệt hại cho Bên B.

Điều 17. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

17.1. Bất kỳ tranh chấp phát sinh từ và liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết trước hết thông qua thương lượng và hòa giải.

Trường hợp không thể thương lượng hoặc không đạt được sự đồng thuận về phương án giải quyết thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Mọi chi phí giải quyết tranh chấp, bao gồm án phí, lệ phí Tòa án, chi phí thuê luật sư, chi phí đi lại và lưu trú, … sẽ do Bên thua chịu.

17.2. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 18. Điều khoản chung

18.1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

18.2. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

18.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ký. Hợp đồng tự động thanh lý sau khi hai Bên hoàn tất mọi nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng.

18.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **GIÁM ĐỐC**
NGUYỄN VIẾT PHÁT	**PGS.TS TRẦN ĐÌNH KIÊN**

PHỤ LỤC 1 – KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng kinh tế số: 01/HĐKT/CDC-CODECO ký ngày ..... /..... /2024)

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	**Công tác khoan**				
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m khoan	3000	940.000	2.820.000.000
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I - III	m khoan	3000	400.000	1.200.000.000
II	**Thí nghiệm hiện trường**				
1	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	1500	390.000	585.000.000
2	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình I-II (Đo điện trở suất)	điểm	43	3.500.000	150.500.000
3	Thăm dò địa chấn (đo tốc độ truyền sóng). Cấp địa hình I-II. Đo tại 06 hố khoan, đo đến độ sâu 30.0m. Tần suất đo 2m/01 lần đo	lần đo	90	2.990.000	269.100.000
III	**Thí nghiệm mẫu trong phòng**				
III.1	*Thí nghiệm trong phòng xác định các chỉ tiêu cơ lý thông thường của mẫu đất nguyên dạng*				
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	200	456.798	91.359.659
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	200	95.546	19.109.185
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	200	163.752	32.750.418

4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	200	274.688	54.937.657
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	200	51.870	10.374.075
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	200	129.950	25.989.921
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	200	50.491	10.098.167
III.2	*Thí nghiệm trong phòng xác định các chỉ tiêu cơ lý thông thường của mẫu đất không nguyên dạng*				
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	200	441.862	88.372.483
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	200	284.445	56.888.969
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	200	122.939	24.587.822
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	20	783.139	15.662.775
III.3	*Thí nghiệm mẫu nước đánh giá tính ăn mòn đối với bê tông và kim loại*				
1	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu độ pH	1 chỉ tiêu	10	121.575	1.215.746
2	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO4-2	1 chỉ tiêu	10	405.598	4.055.979
3	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu màu sắc mùi vị	1 chỉ tiêu	10	258.396	2.583.960
4	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu lượng cặn không tan	1 chỉ tiêu	10	328.523	3.285.232
5	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng Clorua	1 chỉ tiêu	10	507.745	5.077.454
6	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu tổng lượng muối hòa tan	1 chỉ tiêu	10	322.346	3.223.462
III.4	*Thí nghiệm các chỉ tiêu đặc biệt khác của mẫu đất*				

1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU	mẫu	20	5.023.435	100.468.701
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU	mẫu	20	10.382.058	207.641.167
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông (Cv)	mẫu	30	519.798	15.593.953
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu hàm lượng hữu cơ mất khi nung	mẫu	30	505.610	15.168.300
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thí nghiệm nén 1 trục trong điều kiện có nở hông (qu)	mẫu	30	624.078	18.722.338
6	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	mẫu	20	344.135	6.882.694
7	Thí nghiệm hóa đất đánh giá mức độ xâm thực, ăn mòn (chỉ tiêu: độ pH, SO_4^{2-}, Cl^-, ...)	mẫu	6	2.147.530	12.885.182
	Giá hợp đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT)				**5.851.535.299**
	Thuế GTGT (8%)				**468.122.824**
	Giá hợp đồng (Bao gồm thuế GTGT) (làm tròn)				**6.319.658.000**

Bằng chữ: Sáu tỉ ba trăm mười chín triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng ./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Dự án: Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa

Địa điểm: Xã Phước Hiệp và xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Công việc: Khảo sát địa chất công trình

1. Căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ luật Xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 v/v sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Căn cứ Hợp đồng số: 28.03/HĐKT/CDC-CODECO ký ngày 28/03/2024 giữa Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất về việc thực hiện công việc khảo sát địa chất công trình Dự án: Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ khối lượng thực tế do Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất thực hiện.

2. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành công tác khảo sát địa chất.

3. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Đại diện bên A: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC

- Ông: Nguyễn Viết Phát - Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Minh Hưng - Chức vụ: Kỹ thuật

b) Đại diện bên B: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất

- Ông: Trần Đình Kiên - Chức vụ: Giám đốc
- Ông: ..... - Chức vụ: .....

4. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

Bắt đầu : .....h..... ngày .... tháng .... năm 2024;

Kết thúc : .....h..... ngày .... tháng .... năm 2024;

Tại: Văn phòng Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC.

5. Khối lượng công việc hoàn thành:

- Căn cứ khối lượng thực tế công việc khảo sát địa chất công trình do Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất thực hiện;
- Căn cứ sản phẩm khảo sát địa chất giao nộp;
- Đại diện các bên liên quan tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành do Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất thực hiện như sau:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng theo Hợp đồng	Khối lượng thực hiện	Khối lượng nghiệm thu
I	**Công tác khoan**				
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m khoan	3000	3000	3000
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I - III	m khoan	3000	3000	3000
II	**Thí nghiệm hiện trường**				
1	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	1500	1500	1500
2	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình I-II (Đo điện trở suất)	điểm	43	37	37
3	Thăm dò địa chấn (đo tốc độ truyền sóng). Cấp địa hình I-II. Đo tại 06 hố khoan, đo đến độ sâu 30.0m. Tần suất đo 2m/01 lần đo	lần đo	90	201	201
III	**Thí nghiệm mẫu trong phòng**				
III.1	*Thí nghiệm trong phòng xác định các chỉ tiêu cơ lý thông thường của mẫu đất nguyên dạng*				
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	200	200	200
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu	1 chỉ tiêu	200	200	200

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng theo Hợp đồng	Khối lượng thực hiện	Khối lượng nghiệm thu
	độ ẩm, độ hút ẩm				
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	200	200	200
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	200	200	200
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	200	200	200
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	200	200	200
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	200	200	200
III.2	*Thí nghiệm trong phòng xác định các chỉ tiêu cơ lý thông thường của mẫu đất không nguyên dạng*				
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	200	200	200
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	200	200	200
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	200	200	200
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	20	20	20
III.3	*Thí nghiệm mẫu nước đánh giá tính ăn mòn đối với bê tông và kim loại*				
1	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu độ pH	1 chỉ tiêu	10	9	9
2	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO4-2	1 chỉ tiêu	10	9	9
3	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu màu sắc mùi vị	1 chỉ tiêu	10	9	9

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng theo Hợp đồng	Khối lượng thực hiện	Khối lượng nghiệm thu
4	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu lượng cặn không tan	1 chỉ tiêu	10	9	9
5	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng Clorua	1 chỉ tiêu	10	9	9
6	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu tổng lượng muối hòa tan	1 chỉ tiêu	10	9	9
III.4	*Thí nghiệm các chỉ tiêu đặc biệt khác của mẫu đất*				
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU	mẫu	20	20	20
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU	mẫu	20	20	20
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông (Cv)	mẫu	30	30	30
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu hàm lượng hữu cơ mất khi nung	mẫu	30	30	30
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thí nghiệm nén 1 trục trong điều kiện có nở hông (qu)	mẫu	30	30	30
6	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	mẫu	20	20	20
7	Thí nghiệm hóa đất đánh giá mức độ xâm thực, ăn mòn (chỉ tiêu: độ pH, SO_4^{2-}, Cl^-, ...)	mẫu	6	6	6

6. Đánh giá công việc thực hiện:

a) Về chất lượng công tác khảo sát:

- Đáp ứng yêu cầu công việc theo Hợp đồng đã ký;
- Tuân thủ tiêu chuẩn khảo sát hiện hành;

b) Về báo cáo khảo sát:

- Tuân thủ quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng đã ký;
- Hình thức trình bày sạch sẽ, bàn giao đủ số lượng.

c) Các vấn đề khác: Không

7. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc khảo sát địa chất do Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất thực hiện.
- Biên bản được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc	Giám đốc
Nguyễn Viết Phát	PGS.TS Trần Đình Kiên

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Dự án: Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa

Công việc: Khảo sát địa chất công trình

Bên A: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC

Bên B: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất

Căn cứ xác định:

- Hợp đồng số: 28.03/HĐKT/CDC-CODECO ký ngày 28/03/2024 giữa Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá theo Hợp đồng	Thành tiền (đồng)	
			Theo hợp đồng	Thực tế		Theo hợp đồng	Thực tế
I	**Công tác khoan**						
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m khoan	3000	3000	940.000	2.820.000.000	2.820.000.000
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I - III	m khoan	3000	3000	400.000	1.200.000.000	1.200.000.000
II	**Thí nghiệm hiện trường**						
1	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	1500	1500	390.000	585.000.000	585.000.000
2	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình I-II (Đo điện trở suất)	điểm	43	37	3.500.000	150.500.000	129.500.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá theo Hợp đồng	Thành tiền (đồng)	
			Theo hợp đồng	Thực tế		Theo hợp đồng	Thực tế
3	Thăm dò địa chấn (đo tốc độ truyền sóng). Cấp địa hình I-II. Đo tại 06 hố khoan, đo đến độ sâu 30.0m. Tần suất đo 2m/01 lần đo	lần đo	90	201	2.990.000	269.100.000	600.990.000
III	**Thí nghiệm mẫu trong phòng**						
III.1	*Thí nghiệm trong phòng xác định các chỉ tiêu cơ lý thông thường của mẫu đất nguyên dạng*						
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	200	200	456.798	91.359.659	91.359.659
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	200	200	95.546	19.109.185	19.109.185
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	200	200	163.752	32.750.418	32.750.418
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	200	200	274.688	54.937.657	54.937.657
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	200	200	51.870	10.374.075	10.374.075
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	200	200	129.950	25.989.921	25.989.921
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	200	200	50.491	10.098.167	10.098.167
III.2	*Thí nghiệm trong phòng xác định các chỉ tiêu cơ lý thông thường của mẫu đất không nguyên dạng*						
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	200	200	441.862	88.372.483	88.372.483
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	200	200	284.445	56.888.969	56.888.969

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá theo Hợp đồng	Thành tiền (đồng)	
			Theo hợp đồng	Thực tế		Theo hợp đồng	Thực tế
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	200	200	122.939	24.587.822	24.587.822
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	20	20	783.139	15.662.775	15.662.775
III.3	*Thí nghiệm mẫu nước đánh giá tính ăn mòn đối với bê tông và kim loại*						
1	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu độ pH	1 chỉ tiêu	10	9	121.575	1.215.746	1.094.172
2	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO4-2	1 chỉ tiêu	10	9	405.598	4.055.979	3.650.381
3	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu màu sắc mùi vị	1 chỉ tiêu	10	9	258.396	2.583.960	2.325.564
4	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu lượng cặn không tan	1 chỉ tiêu	10	9	328.523	3.285.232	2.956.708
5	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng Clorua	1 chỉ tiêu	10	9	507.745	5.077.454	4.569.709
6	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu tổng lượng muối hòa tan	1 chỉ tiêu	10	9	322.346	3.223.462	2.901.116
III.4	*Thí nghiệm các chỉ tiêu đặc biệt khác của mẫu đất*						
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU	mẫu	20	20	5.023.435	100.468.701	100.468.701
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU	mẫu	20	20	10.382.058	207.641.167	207.641.167

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá theo Hợp đồng	Thành tiền (đồng)	
			Theo hợp đồng	Thực tế		Theo hợp đồng	Thực tế
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông (Cv)	mẫu	30	30	519.798	15.593.953	15.593.953
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu hàm lượng hữu cơ mất khi nung	mẫu	30	30	505.610	15.168.300	15.168.300
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thí nghiệm nén 1 trục trong điều kiện có nở hông (qu)	mẫu	30	30	624.078	18.722.338	18.722.338
6	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	mẫu	20	20	344.135	6.882.694	6.882.694
7	Thí nghiệm hóa đất đánh giá mức độ xâm thực, ăn mòn (chỉ tiêu: độ pH, SO_4^{2-}, Cl^-, ...)	mẫu	6	6	2.147.530	12.885.182	12.885.182
	Giá hợp đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT)					**5.851.535.299**	**6.160.481.116**
	Thuế GTGT (8%)					**468.122.824**	**492.838.489**
	Giá hợp đồng (Bao gồm thuế GTGT)					**6.319.658.123**	**6.653.319.605**

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc

Nguyễn Viết Phát

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

PGS.TS Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: 28.03/HĐKT/CDC-CODECO
Công việc: Khảo sát địa chất công trình

Dự án: Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa
Địa điểm: Xã Phước Hiệp và xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

I - Các căn cứ:

- Hợp đồng số: 28.03/HĐKT/CDC-CODECO ký ngày 28/03/2024 giữa Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất;
- Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành;
- Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

Các bên sau đây tiến hành thanh lý Hợp đồng số: 28.03/HĐKT/CDC-CODECO như sau:

II - Đại diện các bên:

1. Bên A: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC
- Người đại diện: Ông **Nguyễn Viết Phát** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Lô 17, đường Tuệ Tĩnh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0982 881 369
- Mã số thuế: 0900531518
- Tài khoản: 0591001814248 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
- Tài khoản: 88881369 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

2. Bên B: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất
- Người đại diện: Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 3755 0428
- Mã số thuế: 0101074336
- Tài khoản: 111000037499 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long

III- Khối lượng và giá trị thực hiện:

1/ Bên B đã hoàn thành toàn bộ các công việc ghi trong Hợp đồng tư vấn đã ký kết trên với khối lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu của bên A và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

2/ Giá trị công việc thực hiện:

- Giá trị Hợp đồng: **6.319.658.000** đồng.
- Giá trị thanh lý Hợp đồng: **6.653.319.605** đồng.
- Giá trị bên A đã thanh toán: **1.100.000.000** đồng.

3/ Tổng số tiền bên A còn phải thanh toán cho bên B là: **5.553.319.605** đồng.
(Bằng chữ: Năm tỷ, năm trăm năm mươi ba triệu, ba trăm mười chín nghìn sáu trăm linh năm đồng./.)

4/ Sau khi nghiệm thu, bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại cho bên B. Hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ với nhau và Hợp đồng sẽ được thanh lý.

5/ Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Giám đốc	**Giám đốc**
Nguyễn Viết Phát	**PGS.TS Trần Đình Kiên**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng 28.03/HĐKT/CDC-CODECO ngày 28/03/2024 giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất với Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC)

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 28.03/HĐKT/CDC-CODECO ngày 28/03/2024 giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất với Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC về việc: Khảo sát địa chất công trình Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa thuộc xã Phước Hiệp và xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ tình hình thực tế triển khai;

Hôm nay, ngày 07 tháng 6 năm 2024, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

Đại diện Bên Giao thầu (Viết tắt là Bên A)**: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CDC**

Đại diện : **Ông Nguyễn Viết Phát** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Lô 17, đường Tuệ Tĩnh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 0982 881 369

Mã số thuế : 0900531518

Số tài khoản : 88881369 Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam Techcombank - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Và bên kia là:

Nhà thầu (viết tắt là Bên B)**: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30 P. Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng Thành Phố Hà Nội

Điện thoại : 024.3755 0428

Mã số thuế : 0101074336

Tài khoản số : 111000037499 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Nam Thăng Long.

Sau khi thương thương thảo, hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung phụ lục.

Hai bên thống nhất điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng Khảo sát địa chất công trình Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa xã Phước Hiệp và xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự kiến như sau:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: là 70 ngày kể từ ngày 28/03/2024 đến ngày 07/06/2024.

Thời gian điều chỉnh: Từ ngày 08/6/2024 đến ngày hết ngày 30/9/2024.

Các điều chỉnh về thời gian thực hiện hợp đồng sau đó (nếu có) các bên sẽ căn cứ vào tình hình thực tế để thương thảo và thống nhất bằng văn bản bổ sung.

Điều 2. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng không làm phát sinh giá trị của hợp đồng.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 28.03/HĐKT/CDC-CODECO ngày 28/03/2024 giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất với Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC các điều khoản khác giữ nguyên theo Hợp đồng đã ký.

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
C.TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CDC TP. HƯNG YÊN - T. HƯNG YÊN	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Viết Phát	PGS.TS. Trần Đình Kiên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: **0101074336**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428 Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499 NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mã của cơ quan thuế: **00A9457E16CAE74E3CB78DF4E27583C32A**

Ký hiệu: **1C24TMD**

Số: **101**

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CDC**

Địa chỉ: Lô 17, đường Tuệ Tĩnh, phường An Tảo, thành phố Hưng yên, tỉnh Hưng Yên.

Số tài khoản: Tại:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản **Mã số thuế:** **0900531518**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4x5*
1	Khảo sát địa chất công trình dự án: Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa theo hợp đồng số 28.03/HĐKT/CDC-CODECO, ký ngày 28/03/2024.				6.160.481.116
			Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:		**6.160.481.116**
	Thuế suất GTGT: **8%**		**Tiền thuế GTGT:**		**492.838.489**
			Tổng tiền thanh toán:		**6.653.319.605**

Số tiền bằng chữ: **Sáu tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu ba trăm mười chín nghìn sáu trăm linh năm đồng**

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 30/09/2024 11:34:57

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **F40D0585732ABE0F**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoá số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm 2024-2025

TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên Hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký Hợp đồng	Ngày thanh lý/nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm đề tài	Người tham gia
1	Khảo sát Địa chất công trình dự án: Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa theo hợp đồng số 28.03/HĐKT/CDC-CODECO, ký ngày 28/03/2024	28.03/HĐKT/CDC-CODECO	28/03/2024	30/09/2024	6.319.658.000	6.653.319.605	Phạm Thị Ngọc Hà	Bùi Trường Sơn Dương Văn Bình Nguyễn Văn Hùng Phạm Thị Việt Nga Đỗ Thị Hải

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên